

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN EIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN EIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801291701

**3. Ngày thành lập:** 25/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

ô 54, lô AM15, Khu tái định cư - dân cư KP1, Phường Minh Thành, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0909568006

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                 | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt nhôm kính các loại, cửa cuốn, cửa sắt, inox.                                                      | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                        | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                   | 4390        |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                   | 4511        |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                        | 4520        |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                    | 4530        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                       | 4659        |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                   | 4662        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                               | 4663        |
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                 | 6810        |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý). | 6820        |
| 13. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                | 7710        |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                          | 2592        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                        | 4933        |
| 16. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                           | 5210        |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                        | 7730        |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                     | 4101        |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                               | 4102        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                         | 4211        |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                          | 4212        |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                              | 4221        |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                   | 4222        |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                    | 4223        |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                     | 4229        |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                              | 4291        |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                       | 4292        |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                 | 4293        |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                            | 4299(Chính) |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                | 4311        |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                     | 4312        |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                 | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ THANH HOÀI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 060090016056

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 150/3 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 150/3 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ THANH HOÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 060090016056

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 150/3 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 150/3 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước